

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829806] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2305C)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Hau
ng. T. Hạnh
Mai Văn Lê
Hau
ng. T. Hạnh
Mai Văn Lê

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050133	Hán Nhật	Cương ✓ 31/07/2005	CCQ2305C	1		6.7	5.0	5.7
2	2123050115	Trương Quốc	Dũng 19/05/2005	CCQ2305C	1		6.0	7.0	6.6
3	2123050139	Trần Đức	Hải 01/06/2005	CCQ2305C	1		6.8	8.0	7.5
4	2123050134	Bá Trung	Hiếu 05/08/2005	CCQ2305C	1		8.0	6.0	6.8
5	2123050136	Nguyễn Văn	Hiếu 12/03/2005	CCQ2305C	1		6.7	8.0	7.5
6	2123050128	Trần Duy	Hiếu ✓ 14/11/2005	CCQ2305C	1		7.2	6.0	6.5
7	2123050186	Nguyễn Ngọc	Hòa 23/10/2005	CCQ2305C	1		6.7	5.0	5.7
8	2123050092	Phạm Ngọc	Huân 21/04/2005	CCQ2305C	1		5.0	5.0	5.0
9	2123050099	Nguyễn Thanh	Hùng 17/06/2003	CCQ2305C	1		7.3	7.0	7.1
10	2123050110	Đỗ Tấn	Khoa 06/11/2005	CCQ2305C	1		7.3	7.5	7.4
11	2123050135	Bá Trung	Lễ 05/08/2005	CCQ2305C	1		7.5	8.0	7.8
12	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luân ✓ 30/01/2005	CCQ2305C	1		6.3	7.0	6.7
13	2123050109	Lâm Văn	Lực 29/01/2005	CCQ2305C	1		8.5	8.0	8.2
14	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật 17/04/2005	CCQ2305C	1		5.0	5.0	5.0
15	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh 24/10/2005	CCQ2305C	1		5.0	5.0	5.0
16	2123050121	Mai Võ Tuấn	Phong 10/09/2005	CCQ2305C					
17	2123050129	Bùi Văn	Phúc 23/03/2005	CCQ2305C	1		5.7	6.0	5.9
18	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc 08/09/2005	CCQ2305C	1		7.7	7.5	7.6
19	2123050130	Nguyễn Thanh	Phúc 25/03/2004	CCQ2305C					
20	2123050095	Đặng Thanh	Quân 04/01/2005	CCQ2305C	1		8.2	6.0	6.9
21	2123050101	Nguyễn Anh	Quang ✓ 25/05/2005	CCQ2305C	1		5.0	5.0	5.0
22	2123050107	Phạm Huỳnh	Quốc 15/11/2005	CCQ2305C	1		7.3	7.0	7.1
23	2123050090	Đỗ Nhật	Tân 19/04/2005	CCQ2305C	1		6.3	7.0	6.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829810] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2305C)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 19 ..

Số bài thi: 19 ..

Số tờ giấy thi: 19 ..

Hau
Ng. T. Thanh Mai Tuấn Hau
Ng. T. Thanh Mai Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E	1	Chau	5.0	5.0	5.0
2	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E	1	Đông	5.7	6.5	6.2
3	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E	1	Đức	5.7	5.0	5.3
4	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E	1	Trương	7.7	7.0	7.3
5	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E	1	Tấn	7.0	7.0	7.0
6	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E	1	Ha	7.7	7.0	7.3
7	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E	1	Huy	7.3	7.5	7.4
8	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	1	Ke	7.2	7.5	7.4
9	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E	1	Lu	4.7	6.5	5.8
10	2123050227	Báo Tuấn	Phương	25/10/2005	CCQ2305E	1	Phu	6.2	6.5	6.4
11	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	1	Thi	7.3	8.0	7.7
12	2123050120	Đặng Mậu	Thành	15/06/2005	CCQ2305C	1	Thi	8.0	6.0	6.8
13	2123050097	Nguyễn Văn	Thông	01/11/2005	CCQ2305C					
14	2123050207	Nguyễn Phước	Tiến	20/01/2002	CCQ2305E	1	Phu	7.0	0	2.8
15	2123050132	Nguyễn Đức	Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	1	Toan	8.0	6.0	6.8
16	2123050102	Nguyễn Quốc	Toàn	05/05/2005	CCQ2305C	1	Toan	8.3	8.0	8.1
17	2123050114	Trần Minh	Trọng	22/12/2005	CCQ2305C	1	Tru	5.5	7.5	6.7
18	2123050093	Bùi Duy	Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C	1	Tu	7.7	8.0	7.9
19	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C	1	Tru	7.7	7.0	7.3
20	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C	1	Phu	7.7	8.0	7.9